CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HANEL

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Tháng 5 năm 2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Hanel (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Quốc Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Vinh	Thành viên
Bà Bùi Thị Hải Yến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Bùi Thị Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21/01/2013)
Ông Hoàng Minh Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đoàn Thị Kim Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quốc Quân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21/01/2013)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN HANEL

Nguyễn Quốc Bình
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2014

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 4, 168 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội
ĐT: (84-4) 3577 0781; Fax: (84-4) 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Số: 451 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty TNHH Một thành viên Hanel

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hanel (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30/05/2014, từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợ nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 34, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Công ty đã ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính với giá trị 194.800.000.000 đồng là cổ tức phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng. Tuy nhiên, sang năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng đã có nghị quyết đại hội đồng cổ đông về việc chia cổ tức năm 2013 và lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2013.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đang chờ phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản tiền nhận được từ việc chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Deha với giá trị 104.325.000.000 đồng.

Như trình bày tại Thuyết minh số 29, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Công ty đã ghi nhận tăng vốn điều lệ với giá trị 85.000.000.000 đồng và tăng khoản phải thu khác - Cổ tức từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng. Sang năm 2014, Công ty Cổ phần đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng đã có nghị quyết đại hội đồng cổ đông về việc chia lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2013. Nếu ghi nhận theo các quy định hiện hành thì vốn điều lệ và phải thu khác sẽ giảm với giá trị 85.000.000.000 đồng.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2013, Công ty có các khoản công nợ tồn đọng quá hạn thanh toán với số tiền 11,8 tỷ đồng, Công ty chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi cho các khoản công nợ này. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến đánh giá về giá trị của những khoản công nợ này cũng như ảnh hưởng của chúng tới những khoản mục khác có liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Hanel tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trích dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn 100% giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đèn hình Orion - Hanel là 232,2 tỷ đồng căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính năm 2008 của Công ty TNHH Đèn hình Orion - Hanel. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền đang tiếp tục làm các thủ tục phá sản Công ty TNHH Đèn hình Orion - Hanel theo quy định.

Như trình bày tại Thuyết minh số 29, Phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Công ty cũng chưa kết chuyển số dư quỹ dự phòng tài chính sang mục vốn đầu tư của chủ sở hữu theo quy định của Thông tư số 220/2013/TT-BTC. Đồng thời, cho đến thời điểm 31/12/2013, vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung và đạt 1.396 tỷ đồng, theo lộ trình tăng vốn tại Quyết định số 7844/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, mức vốn điều lệ này đang cao hơn mức vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102206, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 16/06/2011 là 260,29 tỷ đồng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán số 213/2013/BCKT-AASCN, đề ngày 10/06/2013 với ý kiến ngoại trừ.

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế báo cáo kiểm toán số 354/VACO/BCKT.NV2 ngày 28/05/2014, do Công ty đã thực hiện phân phối chính thức lợi nhuận sau thuế theo Quyết định số 05-12/QĐ-HANEL ngày 28/05/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty về việc trích lập các quỹ của Công ty TNHH Một thành viên Hanel năm 2013. Theo đó, vốn đầu tư của chủ sở hữu giảm 5,9 tỷ đồng do giảm giá trị lợi nhuận sử dụng để trích quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31/12/2013 tăng lên giá trị tương ứng.

M.S.D.N: 0102546856 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VACO - Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**1.358.752.088.989**	**1.357.271.675.614**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**467.631.476.669**	**140.682.128.634**
1. Tiền	111		353.839.809.048	105.712.128.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.791.667.621	34.970.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**77.535.000.000**	**40.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		77.535.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**621.320.884.620**	**1.011.342.514.461**
1. Phải thu khách hàng	131	7	238.531.761.880	185.972.165.051
2. Trả trước cho người bán	132	8	119.234.455.057	259.474.920.596
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	9	289.457.690.160	574.009.633.276
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(25.903.022.477)	(8.114.204.462)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**146.040.738.348**	**127.617.984.055**
1. Hàng tồn kho	141		155.565.497.702	134.208.778.825
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.524.759.354)	(6.590.794.770)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**46.223.989.352**	**37.629.048.464**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.413.813.755	467.840.789
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.852.035.217	20.478.942.389
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	548.509.797	1.407.613.900
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	14.409.630.583	15.274.651.386
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260+269)	**200**		**3.127.447.344.257**	**2.907.657.042.913**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**13**	**1.288.521.856.977**	**1.375.747.054.774**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.288.521.856.977	1.375.747.054.774
II. Tài sản cố định	**220**		**898.558.534.708**	**671.333.209.977**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	119.921.669.069	120.611.099.511
- Nguyên giá	*222*		*704.003.084.784*	*305.352.248.674*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(584.081.415.715)*	*(184.741.149.163)*
2. Tài sản cố định vô hình	227		235.956.000	2.828.588.688
- Nguyên giá	*228*		*900.017.322*	*3.489.636.653*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(664.061.322)*	*(661.047.965)*
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	778.400.909.639	547.893.521.778
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**927.729.493.654**	**843.371.920.231**
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	1.013.549.365.346	673.232.434.297
2. Góp vốn liên doanh	253	17	90.914.185.138	89.730.212.114
3. Đầu tư dài hạn khác	258	18	81.017.636.393	81.150.966.393
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	19	(257.751.693.223)	(741.692.573)
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**19.958.819.539**	**17.204.857.931**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	20	16.913.656.757	13.291.185.859
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.006.162.782	2.732.215.072
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.039.000.000	1.181.457.000
V. Lợi thế thương mại	**269**		**(7.321.360.621)**	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**4.486.199.433.246**	**4.264.928.718.527**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013 (Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**2.769.641.980.474**	**2.766.429.736.180**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.322.239.719.623**	**1.214.153.609.956**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	21	293.387.736.499	221.673.316.256
2. Phải trả người bán	312	22	187.169.952.969	282.971.168.569
3. Người mua trả tiền trước	313	23	215.925.565.544	35.931.620.381
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	24	321.090.810.080	396.279.569.506
5. Phải trả người lao động	315		8.119.593.662	5.356.707.408
6. Chi phí phải trả	316		5.582.131.769	14.511.496.469
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	25	275.749.580.057	243.942.325.190
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		2.664.562.433	2.664.562.433
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		12.549.786.610	10.822.843.744
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.447.402.260.851**	**1.552.276.126.224**
1. Phải trả dài hạn khác	333		850.909.689	9.169.037.893
2. Vay và nợ dài hạn	334	26	1.341.781.139.324	1.438.359.150.356
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	27	69.864.758.392	68.260.024.405
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	28	34.905.453.446	36.487.913.570
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**1.635.762.392.277**	**1.432.547.510.430**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	29	**1.635.753.916.946**	**1.432.539.035.099**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.390.931.982.238	1.189.249.767.501
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.084.043.425	118.030.541.738
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		34.756.277.728	33.096.231.836
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		178.227.605	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		203.803.385.950	92.162.494.024
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		**8.475.331**	**8.475.331**
1. Nguồn kinh phí	432		8.475.331	8.475.331
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**		**80.795.060.495**	**65.951.471.917**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+ 400+439)	**440**		**4.486.199.433.246**	**4.264.928.718.527**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2013	01/01/2013
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
2. Nợ khó đòi đã xử lý	72.675.783	72.675.783,00
3. Ngoại tệ các loại		
- USD	*391,39*	*14.830,57*
- EUR	*1.734,58*	*795,55*
- SGD	*6.000,22*	*6.000,22*

Đỗ Thị Mai Hà	Đoàn Thị Thanh Mai	Nguyễn Quốc Bình
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 02-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**888.689.943.899**	**810.312.426.496**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		16.496.423.911	24.419.940.110
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**30**	**872.193.519.988**	**785.892.486.386**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	775.902.586.712	712.092.541.029
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**96.290.933.276**	**73.799.945.357**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	101.579.877.743	261.076.883.485
7. Chi phí tài chính	22	33	281.071.378.047	57.713.018.949
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.694.450.820	54.333.679.400
8. Chi phí bán hàng	24		38.237.114.520	35.703.526.477
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		91.292.817.343	56.678.373.957
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	**30**		**(212.730.498.891)**	**184.781.909.459**
11. Thu nhập khác	31		308.428.237.072	139.259.913.641
12. Chi phí khác	32		22.118.968.560	1.689.830.884
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	**34**	**286.309.268.512**	**137.570.082.757**
14. Lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	45		279.857.123.920	109.467.271.161
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	**50**		**353.435.893.541**	**431.819.263.377**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	28.334.537.627	46.046.489.986
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	36	1.604.733.987	13.478.325.761
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**323.496.621.927**	**372.294.447.630**
Trong đó:				
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	62		9.811.535.740	10.408.467.041
18.2. Lợi ích của cổ đông Công ty mẹ	63		313.685.086.187	361.885.980.589

Đỗ Thị Mai Hà	**Đoàn Thị Thanh Mai**	**Nguyễn Quốc Bình**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***1***	***353.435.893.541***	***431.819.263.377***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	34.994.467.330	27.966.896.268
Các khoản dự phòng	3	277.732.783.249	(1.923.072.325)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(17.581.181.646)	(3.936.638.398)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(196.967.604.918)	(256.456.383.232)
Chi phí lãi vay	6	38.694.450.820	54.333.679.400
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***8***	***490.308.808.376***	***251.803.745.090***
Thay đổi các khoản phải thu	9	555.532.680.347	(185.556.842.555)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(21.356.718.877)	(31.023.447.617)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(53.214.589.300)	231.744.547.955
Thay đổi chi phí trả trước	12	(5.568.443.864)	6.081.087.520
Tiền lãi vay đã trả	13	(45.279.023.802)	(50.615.305.293)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(69.861.855.466)	(9.631.731.372)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.375.050.323	5.251.447.947
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(327.738.261.657)	(2.304.470.767)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***524.197.646.080***	***215.749.030.908***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(208.467.797.642)	(123.377.400.111)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	8.050.052.488	14.652.571
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.040.414.041)	(40.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.300.000.000	3.029.774
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	1.590.000.000	(2.159.098.310.500)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.650.000.000	1.958.683.460.500
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.284.303.944	90.929.203.138
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(170.633.855.251)***	***(272.845.364.628)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	553.942.761.750	765.645.046.640
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(579.182.154.221)	(597.015.929.566)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(25.239.392.471)***	***168.629.117.074***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**328.324.398.358**	**111.532.783.354**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**140.682.128.634**	**29.280.163.557**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.375.050.323)	(130.818.277)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**467.631.476.669**	**140.682.128.634**

Đỗ Thị Mai Hà	**Đoàn Thị Thanh Mai**	**Nguyễn Quốc Bình**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Hanel là doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 03 tháng 04 năm 1993 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100102206 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 10 năm 2010 và Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 02 ngày 16/06/2011. Vốn điều lệ theo đăng ký là 1.136.600.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 7844/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Hanel, vốn điều lệ của Công ty là 1.983.550.000.000 đồng, giá trị vốn điều lệ của Công ty được bổ sung trong vòng 03 (ba) năm kể từ ngày được phê duyệt vốn điều lệ mới theo quy định.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản xuất phần mềm, xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho đơn vị kinh tế khác.

- Kinh doanh hàng hóa viễn thông, điện tử, máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Xuất bản phần mềm; kinh doanh;
- Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình (không bao gồm sản xuất phim), ghi âm, truyền dẫn số mặt đất;
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông; Lập trình máy vi tính; thiết kế website, báo điện tử, tạp chí; xuất bản báo điện tử; hoạt động dịch vụ cung cấp thông tin;
- Sản xuất chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; sản xuất sợi, vải dệt và hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất trang phục; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ, và vật liệu tết bện; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy;
- In, sao chép bản ghi các loại; Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất; Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác;
- Sản xuất kim loại; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị, vũ khí, đạn dược);
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học;
- Sản xuất thiết bị điện; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất phương tiện vận tải khác; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; công nghiệp chế biến, chế tạo;
- Bán buôn, bán lẻ máy móc, thiết bị, phụ tùng máy, vật tư, nguyên liệu dùng trong các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, hàng hải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động kiến trúc (7110) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật và theo chứng chỉ hành nghề); Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (7120);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Quảng cáo và nghiên cứu thị trường; Tư vấn, môi giới, định giá, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí;
- Cho thuê máy móc, thiết bị (không kèm người điều khiển); cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình, cho thuê tài sản vô hình phi tài chính; Hoạt động dịch vụ lao động và việc làm (chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép); Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ khác, liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động hành chính, hỗ trợ văn phòng và các hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác;
- Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô; Vận tải đường thủy; Đại lý dịch vụ vận tải hàng không;
- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ vận tải; dịch vụ chuyển phát; Giáo dục nghề nghiệp; Đào tạo cao đẳng (chỉ được hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Xuất nhập khẩu và ủy thác nhập khẩu cho các đơn vị kinh tế khác;
- Và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được cấp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên Hanel được lập trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính riêng của các công ty con sau:

Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Quyền biểu quyết	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Truyền thông Hanel	61,24%	61,24%	Số 02 Chùa Bộc, Trung tự, Đống Đa, HN
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Hanel	66.23%	66.23%	Số 02 Chùa Bộc, Trung tự, Đống Đa, HN
Công ty Cổ phần Hanel Xốp nhựa	48.50%	56,28%	B15, đường số 6, KCN Sài Đồng B, HN
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh thương mại Hanel	66.02%	66.02%	Số 165, Thái Hà, Láng Hạ, Đống Đa, HN
Công ty Cổ phần Công nghệ phần mềm Hanel	55.27%	55.27%	Số 02 Chùa Bộc, Trung tự, Đống Đa, HN
Công ty Cổ phần Dịch vụ khu công nghiệp	51.00%	51.00%	KCN Sài Đồng B, Long Biên, HN
Công ty Cổ phần Dịch vụ Điện tử Hanel	51.00%	51.00%	Số 105, A2, Khương Thượng, Đống Đa, HN
Công ty Cổ phần Đầu tư và Đào tạo dạy nghề Hanel	51.00%	51.00%	Số 38/27, ngõ 41, phố Vọng, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Công ty Cổ phần Điện tử Công nghệ cao Hanel	73.10%	73.10%	KCN Sài Đồng B, Long Biên, HN
Công ty Cổ phần Hanel Mobile	69.16%	69.16%	Số 02 Chùa Bộc, Trung tự, Đống Đa, HN
Công ty TNHH Dehaco	96.60%	96.60%	KCN Sài Đồng B, Long Biên, HN
Công ty Cổ phần Tự động hoá và Cơ khí điện tử Hanel (i)	16.84%	52,8%	E1/P106, Tạ Quang Bửu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Ghi chú: (i) Tỷ lệ sở trực tiếp của Công ty tại Công ty Cổ phần Tự động hoá và Cơ khí điện tử Hanel là 26,84%; các cổ đông khác uỷ quyền cho Công ty mẹ toàn bộ quyền biểu quyết là 36% trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI (tiếp theo)

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 28
Máy móc và thiết bị	06 - 12
Phương tiện vận tải	07 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác khi các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 03 (ba) năm.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu là số vốn điều lệ và vốn bổ sung hàng năm từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận theo quy định hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013 (trình bày lại)
	VND	VND
Tiền mặt	8.983.577.831	7.638.808.265
Tiền gửi ngân hàng	344.856.231.217	98.073.320.369
Các khoản tương đương tiền (i)	113.791.667.621	34.970.000.000
Cộng	**467.631.476.669**	**140.682.128.634**

Ghi chú: (i) Các khoản tiền gửi từ 03 tháng trở xuống tại các tổ chức tín dụng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013 (trình bày lại)
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn	77.535.000.000	40.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm tại Ngân hàng	*4.400.000.000*	-
- Công ty TNHH HANEL - CSF	*3.135.000.000*	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển N&G vay	*70.000.000.000*	*40.000.000.000*
Cộng	**77.535.000.000**	**40.000.000.000**

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và sản xuất Thiên Hà	27.602.500.000	464.200.743
Công ty CP viễn thông điện tử VINACAP	20.293.785.350	-
Công ty TNHH Quang Trung	16.646.608.478	18.706.542.803
Công ty TNHH Đầu tư công nghệ và thiết bị Gia Nguyên	10.896.793.371	-
Công ty điện tử Hoàn Kiếm	11.125.497.000	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà nội (TELECOM)	11.986.338.961	7.529.436.187
TT Sony Center Chùa Bộc	7.868.969.696	5.292.009.896
Công ty TNHH Hanel CSF	6.510.120.000	4.496.980.000
Công ty TNHH Canon VN	6.503.713.450	10.943.367.320
VP Đại diện AOC Việt Nam	5.802.959.164	2.915.580.164
Công ty TNHH Samsung Electronics Việt Nam	5.391.466.760	7.045.101.843
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và dịch vụ tin học Nguyễn Sơn	4.755.586.600	3.463.906.889
Trần Quý Thái	3.193.789.000	-
Cục ứng dụng công nghệ thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông	2.828.582.000	9.748.892.724
Sở Văn hóa thể thao và Du lịch Hà Nội	2.662.080.000	969.840.000
MMD Singapore PTE., LTD	1.087.814.000	-
Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông Hà Nội	-	4.320.849.000
Các đối tượng khác	93.375.158.050	110.075.457.482
	238.531.761.880	**185.972.165.051**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng Hanel	71.500.000.001	64.321.962.533
COCCOLO CORPORATION	5.538.888.008	15.714.787.884
Công ty Acer Asia Pacific	4.360.102.128	11.062.920.079
TPV Display Technology	4.829.822.893	13.961.125.535
Công ty Liên doanh tư vấn & phát triển đầu tư VIKOA	2.400.000.000	2.400.000.000
Công ty số số Pacific (PLC)	2.965.300.320	2.965.300.320
Azusa Sekkei Co., Ltd	1.517.204.680	1.038.625.000
Sichuan Changhong Electric Co., Ltd	422.053.642	330.695.446
Công ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	444.443.200	444.443.200
Công ty TNHH Nhà nước MTV địa chính Hà Nội	313.000.000	313.000.000
Công ty Cổ phần Phần mềm và Truyền thông Hanel	298.040.041	298.040.041
TPV Electronics	-	128.556.480
Công ty Cổ phần đầu tư địa ốc Sông Hồng	-	112.940.529.548
SMART CHOICE STORE CO., LTD	-	2.654.693.738
Beijng Force innovation technology	-	100.630.593
Các đối tượng khác	24.645.600.144	30.799.610.199
	119.234.455.057	**259.474.920.596**

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013 (trình bày lại)
	VND	VND
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Sài Đồng	101.260.821.966	-
Công ty CP Đầu tư & Khoáng sản Hợp Thành	122.194.911.000	180.811.000.000
Công ty CP Đầu tư phát triển N & G	12.833.611.111	-
Phí tư vấn - Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành (i)	11.384.950.604	10.209.539.513
Lãi vay trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (ii)	8.463.954.374	-
Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng	4.480.809.541	-
Phạm Quang Sơn	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Sản xuất điện tử công nghệ cao Hanel	2.180.250.000	1.262.250.000
Công ty TNHH HANEL - CSF	1.410.750.000	931.600.645
Công ty Cổ phần đầu tư Hợp Thành 1	-	330.503.911.000
Công ty TNHH DAEHA	-	37.022.416.367
Các đối tượng khác	22.247.631.564	10.268.915.751
Cộng	**289.457.690.160**	**574.009.633.276**

Ghi chú:

(i) Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Deaha cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành, Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành sẽ bồi hoàn toàn bộ chi phí tư vấn mà Công ty đã chi trả. Theo đó, Công ty đã ghi nhận giá trị phí tư vấn là khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành.

(ii) Lãi vay Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) liên quan đến giá trị gốc vay để thực hiện hợp đồng xuất khẩu máy tính cho Groupo De La Electronica tại Cộng Hòa Cuba; giá trị lãi vay này tương ứng với việc Công ty tính lãi chậm trả đối với khoản phải thu Groupo De La Electronica theo Thỏa thuận về lịch trả nợ đã được ký kết với Groupo De La Electronica. Do đó, Công ty đã ghi nhận khoản lãi vay chi trả cho VCB như một khoản phải thu lại từ Groupo De La Electronica.

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013 (trình bày lại)
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.564.812.800	18.442.530.849
Nguyên liệu, vật liệu	24.441.141.619	35.657.075.676
Công cụ, dụng cụ	97.979.417	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.430.939.374	5.564.364.035
Thành phẩm	11.211.241.087	11.331.958.770
Hàng hoá	112.819.383.405	63.212.849.495
Cộng	**155.565.497.702**	**134.208.778.825**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(9.524.759.354)	(6.590.794.770)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	**146.040.738.348**	**127.617.984.055**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích bổ sung trong năm cho các hàng hóa có giá bán thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được là 2.933.964.584 đồng.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa cho Nhà nước	8.085.144	-
Các khoản khác phải thu Nhà nước	540.424.653	1.407.613.900
Cộng	**548.509.797**	**1.407.613.900**

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tạm ứng	13.111.006.424	10.869.229.950
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.298.624.159	4.405.421.436
Cộng	**14.409.630.583**	**15.274.651.386**

13. PHẢI THU DÀI HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Tại ngày 31/12/2013, phải thu dài hạn khách hàng phản ánh số dư nợ gốc về giá trị tiền hàng phải thu từ việc cung cấp hàng hóa cho Công hòa Cuba là 1.288.521.856.977 đồng (tại ngày 01/01/2013 là 1.376.474.380.195 đồng). Theo Thỏa thuận đã được ký kết ngày 04/07/2012 giữa Công ty và Groupo De La Electronica của Cộng Hòa Cuba thì dư nợ gốc và lãi phát sinh phải thu sẽ được Groupo De La Electronica thanh toán trong 72 tháng từ 01/01/2014 đến hết 31/12/2019. Khoản lãi chậm trả tính đến 30/12/2013 là 6.417919,24 USD đã được Ban Tổng Giám đốc xem xét một cách thận trọng trên cơ sở bản chất và thực tế tình hình thanh toán trong quá khứ cũng như khả năng thanh toán tiếp theo của đối tác nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định chưa ghi nhận ngay vào thu nhập trong năm 2013, Công ty sẽ ghi nhận vào thu nhập khi nhận được tiền thanh toán từ đối tác. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng việc ghi nhận này là phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo nguyên tắc thận trọng và phản ánh đúng tình hình thu nhập cũng như tình hình tài chính của Công ty.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2013	**103.036.637.776**	**179.861.992.449**	**16.418.211.468**	**5.749.679.229**	**285.727.752**	**305.352.248.674**
Tăng trong năm	81.177.400.593	347.055.503.732	6.778.251.480	3.844.453.298	1.800.622.699	440.656.231.803
Mua sắm	*4.087.122.244*	*594.104.800*	*1.811.025.843*	*404.053.363*	-	*6.896.306.250*
Đầu tư, xây dựng cơ bản	-	*17.425.955.919*	-	-	-	*17.425.955.919*
Tăng khác	*77.090.278.349*	*329.035.443.013*	*4.967.225.637*	*3.440.399.935*	*1.800.622.699*	*416.333.969.634*
Giảm trong năm	(5.378.925.674)	(32.861.260.251)	(1.199.117.426)	(2.566.092.342)	-	(42.005.395.693)
Phân loại nhóm	*(899.348.957)*	*(19.453.987.283)*	-	*(598.907.822)*	-	*(20.952.244.062)*
Thanh lý, nhượng bán	-	*(7.671.343.076)*	*(1.097.846.958)*	-	-	*(8.769.190.034)*
Giảm khác	*(4.479.576.717)*	*(5.735.929.892)*	*(101.270.468)*	*(1.967.184.520)*	-	*(12.283.961.597)*
Tại ngày 31/12/2013	**178.835.112.695**	**494.056.235.930**	**21.997.345.522**	**7.028.040.185**	**2.086.350.451**	**704.003.084.784**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2013	**59.735.764.795**	**114.563.236.628**	**5.984.456.907**	**4.215.631.880**	**242.058.953**	**184.741.149.163**
Khấu hao trong năm	9.494.576.034	21.897.887.958	2.796.090.040	403.877.600	-	34.592.431.632
Tăng khác	65.518.206.411	312.202.273.836	4.069.002.411	3.054.911.238	1.800.622.699	386.645.016.595
Phân loại nhóm	(260.644.304)	(6.313.714.099)	-	(261.269.921)	-	(6.835.628.324)
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.156.562.968)	(916.753.191)	-	-	(8.073.316.159)
Giảm khác	(1.714.162.605)	(4.144.137.300)	(10.126.286)	(1.119.811.001)	-	(6.988.237.192)
Tại ngày 31/12/2013	**132.773.740.330**	**431.048.984.055**	**11.922.669.881**	**6.293.339.796**	**2.042.681.652**	**584.081.415.715**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2013	**43.300.872.981**	**65.298.755.821**	**10.433.754.561**	**1.534.047.349**	**43.668.799**	**120.611.099.511**
Tại ngày 31/12/2013	**46.061.372.365**	**63.007.251.875**	**10.074.675.641**	**734.700.389**	**43.668.799**	**119.921.669.069**

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2013, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 20.617.001.864 đồng.

Tài sản cố định giảm khác trong năm là giá trị của các tài sản cố định điều chỉnh giảm theo hướng dẫn của Thông tư số 45/2013/TT-BTC về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Trong năm, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc bàn giao mặt bằng dự án khu nhà ở thương mại hợp tác đầu tư với Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng, theo đó, Công ty chưa thực hiện ghi giảm nguyên giá tài sản cố định và giá trị hao mòn lũy kế đối với các tài sản là nhà cửa vật kiến trúc đã được giải thể để bàn giao mặt bằng thi công dự án này với cùng giá trị 749.999.875 đồng.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	778.400.909.639	547.893.521.778
Một số công trình chính:		
- Khu đô thị - Công viên công nghệ phần mềm HN	551.862.793.859	504.566.152.549
- Dự án Cảng cạn tại xã Cổ Bi-Gia Lâm	154.773.606.468	4.298.371.500
- Tháo TMĐT và Văn phòng Hanel tại E9 Phạm Hùng	49.501.829.261	39.026.659.818
- Các căn hộ Chung cư Thái Hà	10.871.465.538	-
- Các công trình khác	11.391.214.513	2.337.911

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

a. Chi tiết số lượng cổ phiếu và giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2013			01/01/2013		
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %
Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng	24.000.000	240.000.000.000	20,00%	24.000.000	240.000.000.000	20,00%
Công ty CP Bất động sản Hanel - Him Lam	8.100.000	81.000.000.000	27,00%	8.100.000	81.000.000.000	27,00%
Công ty CP công nghệ thẻ NACENCOMM	300.000	5.400.000.000	25,46%	205.555	3.700.000.000	25,00%
Công ty CB Biển Bạc	500.000	5.000.000.000	20,00%	500.000	5.000.000.000	20,00%
Công ty CP Xây dựng Hanel	240.000	2.400.000.000	10,21%	240.000	2.400.000.000	10,21%
Công ty CP Hanel Telecom	180.000	1.800.000.000	48,39%	180.000	1.800.000.000	48,39%
Công ty CP Sản xuất, Gia công & XNK Hanel	8.000	800.000.000	20,00%	8.000	800.000.000	20,00%
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	60.000	850.000.000	30,52%	60.000	850.000.000	30,52%
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	9.000	900.000.000	27,05%	9.000	900.000.000	27,05%
Công ty TNHH DAEHA	-	151.861.443.000	30,00%	-	151.861.443.000	30,00%
Công ty CP Đô thị Sinh thái Vân Nội	300.000	3.000.000.000	10,0%	-	-	0,00%
Công ty CP công nghệ giáo dục đào tạo Hanel - Ruby	33.320	333.200.000	4,9%	33.320	333.200.000	4,9%
Công ty TNHH HANEL - CSF	-	4.870.000.000	25,00%	-	4.870.000.000	25,00%
Công ty CP Tân Tạo - Hanel	54.365	543.645.600	1,80%	54.365	543.645.600	1,80%
Công ty CP du lịch & khai khoáng Bắc Kạn	3.000	30.000.000	0,15%	3.000	30.000.000	0,15%
Giá trị đầu tư tăng thêm từ tài sản thuần của các công ty liên kết		*514.761.076.746*			*179.144.145.697*	
Cộng		**1.013.549.365.346**			**673.232.434.297**	

16. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng	Hà Nội	20,00%	20,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Bất động sản Hanel - Him Lam	Hà Nội	27,00%	27,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP công nghệ thẻ NACENCOMM	Hà Nội	25,46%	25,46%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Biển Bạc	Hà Nội	20,00%	20,00%	Thương mại; dịch vụ; du lịch
Công ty CP Xây dựng Hanel	Hà Nội	10,20%	40,20%	Đầu tư, xây dựng
Công ty CP Hanel Telecom	Hà Nội	48,39%	48,39%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty TNHH HANEL - CSF	Hà Nội	26,60%	26,60%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	Hà Nội	30,52%	30,52%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty CP Điện tử Hưng Phát	Hà Nội	27,05%	27,05%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty TNHH DAEHA	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh bất động sản
Cty CPSX gia công & XNK Hanel	Hà Nội	20,00%	20,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin
Công ty Cổ phần Tân Tạo - Hanel	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty CP Đô thị Sinh thái Vân Nội	Hà Nội	10,00%	10,00%	Thương mại; Dịch vụ; Du lịch
Công ty CP công nghệ giáo dục đào tạo Hanel - Ruby	Hà Nội	4,90%	4,90%	Đào tạo, giáo dục
Công ty TNHH HANEL - CSF	Hà Nội	25,00%	25,00%	Dịch vụ công nghệ thông tin

c. Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng tài sản	14.987.548.527.309	13.635.660.879.289
Tổng công nợ	10.769.094.247.397	10.620.108.996.592
Tài sản thuần	4.218.454.279.912	3.015.551.882.697
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	**1.013.549.365.346**	**673.232.434.297**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu	5.631.521.321.936	4.216.291.912.475
Lợi nhuận thuần	1.241.720.394.578	434.763.518.959
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	**254.252.623.421**	**103.298.813.359**

17. GÓP VỐN LIÊN DOANH

a. Chi tiết giá trị khoản đầu tư góp vốn liên doanh

Đầu tư vào Công ty Liên doanh	31/12/2013		01/01/2013
	VND		VND
Công ty TNHH hệ thống dây SUMI-HANEL	23.623.899.960	30,0%	23.623.899.960
Công ty TNHH Điện tử DAEWOO- HANEL	-	-	46.231.100.000
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	232.234.967.217	30,0%	232.234.967.217
Công ty TNHH tiếp vận Thăng Long	5.745.362.358	10,0%	5.745.362.358
Giá trị đầu tư tăng thêm từ tài sản thuần của các công ty liên doanh	*(170.690.044.397)*		*(218.105.117.421)*
Cộng	**90.914.185.138**		**89.730.212.114**

17. GÓP VỐN LIÊN DOANH (Tiếp theo)

b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH hệ thống dây SUMI-HANEL	Hà Nội	30,00%	50,00%	Sản xuất và tiêu thụ mạng dây điện và điện tử cho CN ô tô
Công ty TNHH Đèn hình ORION Hanel	Hà Nội	30,00%	50,00%	Sản xuất thiết bị điện tử
Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long	Hà Nội	10,00%	50,00%	Điều hành trung tâm tiếp vận, điều hành kho bãi container, làm thủ tục hải quan, vận tải nội địa...

c. Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tổng tài sản	1.234.721.873.450	253.850.758.695
Tổng công nợ	779.223.610.152	82.448.154.085
Tài sản thuần	455.498.263.298	171.402.604.610
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào liên doanh	**90.914.185.138**	**89.730.212.114**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu	4.830.784.922.487	710.083.909.049
Lợi nhuận thuần	113.270.133.629	61.684.578.022
Phần lợi nhuận thuần của Công ty trong liên doanh	**25.604.500.499**	**6.168.457.802**

18. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2013			01/01/2013		
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển N & G	3.000.000	54.000.000.000	10,0%	3.000.000	54.000.000.000	10,0%
Công ty Cổ phần Viễn thông Hà Nội (TELECOM)	1.800.000	17.999.996.393	1,12%	1.800.000	17.999.996.393	1,12%
Công ty Cổ phần bảo hiểm Petrolimex	708.924	6.887.640.000	0,06%	708.924	6.887.640.000	0,06%
Công ty Cổ phần đầu tư Hanpad	20.000	2.000.000.000	8,34%	20.000	2.000.000.000	8,34%
Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	13.000	130.000.000	0,87%	13.000	130.000.000	0,87%
Công ty Cổ phần Golf Hà Nội	-	-	-	3.333	33.330.000	100,00%
Công ty CP Đô thị Sinh thái Vân Nội	-	-	-	10.000	100.000.000	10,00%
Cộng		**81.017.636.393**			**81.150.966.393**	

19. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013 (trình bày lại)
	VND	VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết	***239.751.696.830***	-
- Công ty CP Phần mềm và Truyền thông Hanel	600.000.000	-
- Công ty CP Hanel Telecom	1.800.000.000	-
- Công ty CP Công nghệ Hưng Phát	239.757.114	-
- Công ty TNHH Đèn hình Orion-Hanel (i)	232.234.967.217	-
- Công ty CP Công nghệ giáo dục đào tạo Hanel-Ruby	4.756.883	-
- Công ty CP Sinh Thái Vân Nội	2.215.616	-
- Công ty TNHH Hanel-CSF	4.870.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	***17.999.996.393***	***741.692.573***
- Công ty CP Đầu tư Hanpad	-	201.038.573
- Công ty CP Golf Hà Nội	-	33.330.000
- Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	-	507.324.000
- Công ty CP Viễn thông Hà Nội	17.999.996.393	-
Cộng	**257.751.693.223**	**741.692.573**

19. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

Ghi chú: (i) Trong năm, căn cứ vào số liệu báo cáo tài chính năm 2008, và các văn bản làm việc với Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trích dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn 100% giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Đèn hình Orion - Hanel là 232,2 tỷ đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, toàn bộ tài sản của Công ty TNHH Đèn hình Orion - Hanel đang được Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội quản lý và đang chờ thực hiện các thủ tục phá sản theo quy định hiện hành.

20. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	469.681.847	-
Giá trị Chi phí Sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	992.970.760	-
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.266.307.187	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.184.696.963	13.291.185.859
Cộng	**16.913.656.757**	**13.291.185.859**

21. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	293.387.736.499	220.987.462.006
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	685.854.250
Cộng	**293.387.736.499**	**221.673.316.256**

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay tại các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp và các cá nhân khác theo các hợp đồng vay, khế ước nhận nợ ngắn hạn từng lần để bổ sung vốn lưu động trong quá trình hoạt động kinh doanh, chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

	31/12/2013	01/01/2013 (trình bày lại)
	VND	VND
Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng	**235.821.910.699**	**122.806.062.072**
Ngân hàng TMCP Quân đội	*69.619.551.889*	*51.211.627.581*
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	*136.371.089.597*	*49.564.953.417*
Ngân hàng Ngoại thương - CN Chương Dương	*21.860.932.671*	*22.029.481.074*
Ngân hàng Quốc tế Việt Nam	*7.970.336.542*	-
Vay ngắn hạn các từ các doanh nghiệp khác	**46.103.000.000**	**85.123.408.134**
Công ty CP Xây dựng Hanel	*41.923.000.000*	*56.000.000.000*
Công ty CP Công nghệ thẻ NACENCOMM	*4.000.000.000*	*1.700.000.000*
Công ty CP Đô thị Sinh thái Vân Nội	*180.000.000*	-
Công ty TNHH DAEHA	-	*1.928.000.000*
Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng	-	*15.000.000.000*
Công ty CP Đầu tư Alphanam	-	*10.495.408.134*
Vay các cá nhân	**11.462.825.800**	**13.057.991.800**
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	**685.854.250**
Cộng	**293.387.736.499**	**221.673.316.256**

22. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	01/01/2013 (trình bày lại)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viễn thông điện tử VINACAP	77.346.596.964	37.138.498.200
Công ty CP Đầu tư và sản xuất Thiên Hà	20.154.075.100	-
Top Victory Invesments Limited	18.481.098.657	15.750.699.156
Công ty Cổ phần Vật liệu Điện tử	11.125.496.937	-
NTE-Nguyen Technologies & Electrical Equipment	7.018.619.328	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn IDC	5.405.672.880	7.031.851.557
Dell Global	4.648.420.443	39.999.919.627
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Chung Anh	3.282.268.000	-
Ming Dih Industry Co., Ltd	2.509.958.400	658.170.300
Công ty TNHH Thương mại than khoáng sản Hoàng Phát	2.469.821.035	2.314.637.655
Công ty đầu tư XD Hà Nội	630.198.983	630.198.983
Công ty ĐTPT Hạ tầng đô thị	577.385.178	577.385.178
Ban quản lý dự án Thái Hà	-	111.385.995.548
Shenzhen Skyworth Wireless Technology Co., Ltd	-	2.867.602.400
Công ty TNHH Acer Việt Nam	68.809.639	6.771.627.590
Các đối tượng khác	33.451.531.425	57.844.582.375
Cộng	**187.169.952.969**	**282.971.168.569**

23. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013 (trình bày lại)
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Vingroup (i)	200.000.000.000	-
Ban Quản lý Dự án 4 - Tổng Cục đường bộ	4.786.225.000	-
Tổng Cục thuế	-	15.725.470.860
Vũ Huy Nam	-	3.255.429.470
Đặng Việt Long	-	1.695.750.356
Phan Văn Quân	-	2.852.943.864
Nguyễn Trọng Ninh	-	1.176.091.376
Kho bạc nhà nước	-	3.609.426.000
Bùi Minh Chí	-	2.746.569.050
Kiều Tiến Điệp	-	1.695.630.456
Ban Quản lý các Dự án Công nghệ thông tin và Viễn thông		1.136.202.250
Các đối tượng khác	11.139.340.544	2.038.106.699
Cộng	**215.925.565.544**	**35.931.620.381**

Ghi chú: (i) Tiền nhận ứng trước từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup cho việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty liên kết (xem thêm Thuyết minh số 38 - Các khoản cam kết).

24. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	1.004.461.151	3.562.014.171
Thuế xuất nhập khẩu	-	102.794.361
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.079.774.323	61.740.713.261
Thuế thu nhập cá nhân	506.662.723	370.136.713
Tiền thuê đất	299.635.823.689	-
Các loại thuế khác	3.603.885	330.503.911.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	860.484.309	-
Cộng	**321.090.810.080**	**396.279.569.506**

25. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013 (trình bày lại)
	VND	VND
Công ty TNHH máy tính CMS	3.269.043.422	3.269.043.422
Công ty Cổ phần Giấy Hải Tiến	4.734.671.463	4.734.671.463
Công ty cổ phần đầu tư phát triển N & G	41.000.000.000	41.000.000.000
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP Vincom	11.230.685.000	3.369.863.034
Công ty CP đầu tư và phát triển đô thị Sài Đồng (i)	200.000.000.000	185.000.000.000
Quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	-	650.000.000
Các đối tượng khác	15.515.180.172	5.918.747.271
	275.749.580.057	**243.942.325.190**

Ghi chú: (i) Khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng là tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng hỗ trợ vốn kinh doanh cho Công ty, không tính lãi.

26. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013 (trình bày lại)
	VND	VND
Vay dài hạn	1.341.781.139.324	1.438.359.150.356
Cộng	**1.341.781.139.324**	**1.438.359.150.356**

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay có kỳ hạn trung và dài hạn tại các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp khác cho các dự án đầu tư, kinh doanh dài hạn của Công ty theo các hợp đồng vay vốn trung và dài hạn, chi tiết khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2013	01/01/2013 (trình bày lại)
	VND	VND
Vay dài hạn từ các tổ chức tín dụng	**1.031.561.139.324**	**1.119.640.193.356**
Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chi nhánh Hà Nội	*622.056.960.851*	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam- SGD I	*217.481.416.887*	*892.318.607.134*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	*114.565.958.921*	*144.720.485.762*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	*9.341.676.207*	*8.049.951.470*
Ngân hàng TMCP Bưu điện - Liên Việt	*68.115.126.458*	*74.551.148.990*
Vay dài hạn từ các doanh nghiệp khác	**310.220.000.000**	**318.718.957.000**
Công ty CP Tập đoàn Vingroup	*240.000.000.000*	*240.000.000.000*
Công ty CP Bất động sản Hanel - Himlam	*70.220.000.000*	*75.620.000.000*
Công ty CP Kỹ thuật điện Toàn Cầu		*1.098.957.000*
Công ty CSF Advisers Shn.Bhd		*2.000.000.000*
Cộng	**1.341.781.139.324**	**1.438.359.150.356**

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty không xác định các khoản nợ dài hạn đến trả, các khoản nợ được thanh toán theo thực tế thu tiền gốc vay của ngân hàng; các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản theo các hợp đồng cầm cố, thế chấp từng lần.

27. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại ở thời điểm cuối năm tài chính.

	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Các khoản lỗ tính thuế	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	**68.430.835.678**	**-**	**68.430.835.678**
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm	(170.811.273)	-	(170.811.273)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		-
Tại ngày 01/01/2013	**68.260.024.405**	**-**	**68.260.024.405**
Chuyển sang vốn chủ sở hữu trong năm	(5.343.993.504)	2.746.693.607	(2.597.299.897)
Chuyển sang lợi nhuận (lỗ) trong năm	4.202.033.884	-	4.202.033.884
Tại ngày 31/12/2013	**67.118.064.785**	**2.746.693.607**	**69.864.758.392**

Chi tiết thuế hoãn lại phải trả:

Đánh giá chênh lệch tỷ giá Phải thu dài hạn-CUBA	**Lãi (lỗ) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện**	**Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**
	-	-
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2008	19.093.324.707	4.773.331.177
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2009	63.740.155.118	15.935.038.780
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2010	65.525.408.424	16.381.352.106
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2011	125.364.454.463	31.341.113.616
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2012	(683.245.093)	(170.811.273)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2013	16.808.135.537	4.202.033.884
Cộng	**289.848.233.155**	**72.462.058.289**
Các khoản lỗ tính thuế theo kế hoạch lợi nhuận dự kiến		
Công ty CP Truyền thông Hanel	-	2.746.693.607
Cộng	**-**	**2.746.693.607**
Hoàn nhập thuế hoãn lại phải trả của gốc ngoại tệ đã đánh giá chênh lệch tỷ giá sau:		
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2008	(2.346.757.351)	(586.689.338)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2009	(4.820.000.000)	(1.205.000.000)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2010	(4.955.000.000)	(1.238.750.000)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2011	(9.480.000.000)	(2.370.000.000)
Tại thời điểm đánh giá 31/12/2012	225.783.333	56.445.834
Cộng	**(21.375.974.018)**	**(5.343.993.504)**
Thuế hoãn lại phải trả tại 31/12/2013		**69.864.758.392**

Trong năm, Công ty đã thu hồi được một phần công nợ phải thu Groupo De La Electronica của Cộng Hòa Cuba, theo đó chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện phát sinh tại các thời điểm đánh giá chênh lệch tỷ giá khoản phải thu này được ghi nhận vào thu nhập chịu thuế trong năm 2013, vì vậy giá trị thuế hoãn lại phải trả được hoàn nhập tương ứng.

28. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh giá trị tiền thu trước từ việc cho thuê lại quyền sử dụng đất, mặt bằng tại thời điểm 31/12/2013 là 34.905.453.446 đồng (tại 31/12/2012 là 36.487.913.570 đồng).

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 31/12/2011	**988.586.322.548**	**83.379.916.923**	**18.229.187.862**	**14.613.066.793**	**-**	**1.104.179.643.587**
Tăng vốn trong năm	104.325.000.000	-	-	-	-	**104.325.000.000**
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	361.885.980.589	-	361.885.980.589
Phân phối lợi nhuận	96.338.444.953	34.650.624.815	14.867.043.974	(148.670.439.742)	-	(2.814.326.000)
Tăng / (giảm) khác	-	-	-	(103.973.476.261)	-	(103.344.625.722)
Số dư tại ngày 31/12/2012	**1.189.249.767.501**	**118.030.541.738**	**33.096.231.836**	**123.855.131.379**	**-**	**1.464.231.672.454**
Điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ				*(31.692.637.355)*		
Số dư tại ngày 01/01/2013	**1.189.249.767.501**	**118.030.541.738**	**33.096.231.836**	**92.162.494.024**	**-**	**1.432.539.035.099**
Tăng vốn trong năm	116.682.214.737	-	-	-	-	116.682.214.737
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	313.685.086.187	-	313.685.086.187
Phân phối lợi nhuận (i)	-	4.735.716.424	1.660.045.892	(8.277.810.708)	-	(1.882.048.392)
Tăng (Giảm) khác	85.000.000.000	(116.682.214.737)	-	(193.766.383.553)	178.227.605	(225.270.370.685)
Số dư tại ngày 31/12/2013	**1.390.931.982.238**	**6.084.043.425**	**34.756.277.728**	**203.803.385.950**	**178.227.605**	**1.635.753.916.946**

Ghi chú:

(i) Vốn điều lệ được bổ sung từ việc điều chuyển quỹ Đầu tư phát triển để tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu theo lộ trình tăng vốn như sau:

Quyết định số 7844/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy Ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Hanel, vốn điều lệ của Công ty là 1.983.550.000.000 đồng, giá trị vốn điều lệ của Công ty được bổ sung trong vòng 03 (ba) năm kể từ ngày được phê duyệt vốn điều lệ mới theo quy định.

Vốn tăng khác trong năm: Công ty đã ghi nhận tăng Vốn Điều lệ với giá trị 85.000.000.000 đồng và tăng khoản Phải thu khác - giá trị cổ tức được chia phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng. Giá trị các khoản cổ tức này chưa được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng thông qua. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng giá trị cổ tức này Công ty sẽ nhận được trong năm 2014 sau khi Đại hội cổ đông nên đã ghi nhận tăng vốn trong năm 2013.

(ii) Phân phối lợi nhuận trong năm:

Theo Quyết định số 05-12/QĐ-HANEL ngày 28/05/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty về "Trích lập các Quỹ của Công ty TNHH MTV Hanel năm 2013": Tổng lợi nhuận để phân phối các Quỹ của Công ty là 2.637.645.650 đồng, trong đó (i) trích Quỹ Đầu tư phát triển là 56.191.369 đồng (giá trị trích lập bổ sung được sử dụng để bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu); (ii) trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2.332.454.281 đồng và (iii) Trích Quỹ thưởng viên chức quản lý là 249.000.000 đồng.

b. Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.136.600.000.000 đồng đồng, vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được bổ sung theo Quyết định số 7844/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.396.893.988.906	1.189.249.767.501
Cộng	**1.396.893.988.906**	**1.189.249.767.501**

30. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	885.786.499.354	791.172.314.218
- Doanh thu bán hàng hoá	*485.370.357.827*	*500.554.712.885*
- Doanh thu bán thành phẩm	*307.833.145.221*	*268.062.635.535*
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	*92.582.996.306*	*22.554.965.798*
- Doanh kinh doanh bất động sản đầu tư	*2.903.444.545*	*19.140.112.278*
Tổng	**888.689.943.899**	**810.312.426.496**
Các khoản giảm trừ doanh thu	***16.496.423.911***	***24.419.940.110***
- Chiết khấu thương mại	2.406.639.344	897.770.927
- Giảm giá hàng bán	987.952.295	3.002.261.532
- Hàng bán bị trả lại	13.101.832.272	20.519.907.651
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**872.193.519.988**	**785.892.486.386**

31. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn cung cấp hàng hoá	440.900.287.266	460.337.299.203
Giá vốn cung cấp thành phẩm	260.429.996.633	221.127.948.918
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	67.761.028.226	18.513.976.337
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư	3.486.510.003	13.162.597.455
Dự phòng (Hoàn nhập) Giảm giá hàng tồn kho	3.324.764.584	(1.049.280.884)
Cộng	**775.902.586.712**	**712.092.541.029**

32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.681.327.292	1.097.935.225
Cổ tức, Lợi nhuận được chia (i)	20.253.800.000	88.324.235.063
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.588.844.987	3.962.005.940
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.055.905.464	772.638.893
Doanh thu hoạt động tài chính khác	46.000.000.000	166.920.068.364
Cộng	**101.579.877.743**	**261.076.883.485**

Ghi chú: (i) Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm bao gồm cổ tức do Công ty tạm tính để ghi nhận doanh thu trong năm của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng là 194.800.000.000 đồng. Tuy nhiên, sang năm 2014, đại hội đồng cổ đông công ty này đã có nghị quyết thông qua phương án phân chia lợi nhuận năm 2013 và lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2013. Mặt khác, Công ty đang có khoản phải trả 200 tỷ đồng (xem thêm Thuyết minh số 25) là khoản Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng hỗ trợ vốn cho Công ty không tính lãi, khoản 200 tỷ đồng này có thể bù trừ với cổ tức phải thu ở trên.

Trong năm, Công ty đã ghi giảm Doanh thu hoạt động tài chính - Phần cổ tức, lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Deha với giá trị 37.599.000.000 đồng, đây là cổ tức đã được Công ty ghi nhận doanh thu từ năm 2009. Theo Thông báo năm 2013 của Công ty TNHH Deha cho Công ty về việc Công ty TNHH Deha có lỗ lũy kế đến 31/12/2009, nên không được chia lợi nhuận cho các đối tác góp vốn. Do vậy, giá trị cổ tức 37.599.000.000 đồng này sẽ không được Công ty TNHH Deha thanh toán cho Công ty.

33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	38.694.450.820	54.333.679.400
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	7.663.341	25.367.542
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	13.322.576.163	353.246.390
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	229.038.554.723	(1.772.310.000)
Chi phí tài chính khác	8.133.000	4.773.035.617
Cộng	**281.071.378.047**	**57.713.018.949**

34. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
Thu nhập khác	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	9.772.272
Hỗ trợ kinh phí cho sản xuất kinh doanh (i)	42.000.000.000	132.900.342.466
Bán căn hộ tái định cư (ii)	15.115.069.683	-
Thu bồi thường từ TNHH Điện tử Dongbu Daewoo	228.392.344.898	-
Thu nhập khác	22.920.822.491	6.349.798.903
Cộng	**308.428.237.072**	**139.259.913.641**
Chi phí khác		
Giá trị căn hộ tái định cư	2.715.782.188	-
Khấu hao TSCĐ không sử dụng	11.485.960.357	-
Chi phí khác	7.917.226.015	1.689.830.884
Cộng	**22.118.968.560**	**1.689.830.884**
Lợi nhuận khác	**286.309.268.512**	**137.570.082.757**

Ghi chú:

(i) Kinh phí được cấp cho việc hỗ trợ sản xuất kinh doanh theo các Thỏa thuận hỗ trợ đã ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng.

(ii) Công ty ghi nhận giá trị chuyển nhượng các căn hộ tái định cư cho nhân viên trong Công ty dựa theo các biên bản bàn giao kỹ thuật căn hộ. Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan để cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà ở cho người mua.

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	**353.435.893.541**	**431.819.263.377**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**(117.165.293.274)**	**(247.633.303.433)**
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	**297.201.916.032**	**299.212.297.065**
- Cổ tức, Lợi nhuận được chia	*20.253.800.000*	*88.324.235.063*
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các năm trước (i)	*(21.375.172.944)*	-
- Thu nhập không chịu thuế khác	*18.466.165.056*	*101.420.790.841*
- Thu nhập từ công ty liên doanh liên kết	*279.857.123.920*	*109.467.271.161*
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	**180.036.622.758**	**51.578.993.632**
- Lãi vay không được tính là chi phí hợp lý	*33.600.000.000*	*39.969.856.627*
- Chi hỗ trợ kinh phí đoàn thể	*414.620.000*	-
- Chi phát triển thị trường	*1.929.495.086*	-
- Các khoản chi phí khác	*144.092.507.672*	*11.609.137.005*
Thu nhập chịu thuế	**236.270.600.267**	**184.185.959.944**
Chuyển lỗ các năm trước	68.625.841.940	-
Thu nhập tính thuế	**167.644.758.327**	**184.185.959.944**
Thu nhập tính thuế 15%	*134.543.475.328*	-
Thu nhập tính thuế 20%	*2.446.088.443*	-
Thu nhập tính thuế 25%	*30.655.194.556*	*184.185.959.944*
Thuế suất ưu đãi	15%	15%
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế suất thông thường	25%	25%
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**28.334.537.627**	**46.046.489.986**

Ghi chú: (i) Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các năm trước do đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính (xem Thuyết minh số 27) của khoản Phải thu dài hạn từ Groupo De La Electronica Cộng hòa Cuba đã thu được trong năm 2013.

36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	31/12/2013
	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm	4.202.033.884
Hoàn nhập Thuế hoãn lại phải trả	(2.597.299.897)
Cộng	**1.604.733.987**

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 26 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Các khoản vay	1.635.168.875.823	1.660.032.466.612
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(467.631.476.669)	(140.682.128.634)
Nợ thuần	1.167.537.399.154	1.519.350.337.978
Vốn chủ sở hữu	1.635.753.916.946	1.432.539.035.099
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**71,38%**	**106,06%**

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	467.631.476.669	140.682.128.634
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.909.842.741.597	2.387.089.569.235
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.535.000.000	40.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	927.729.493.654	843.371.920.231
Các khoản ký quỹ	1.298.624.159	4.405.421.436
Tổng cộng	**3.384.037.336.079**	**3.415.549.039.536**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.635.168.875.823	1.660.032.466.612
Phải trả người bán và phải trả khác	463.770.442.715	536.082.531.652
Chi phí phải trả	5.582.131.769	14.511.496.469
Tổng cộng	**2.104.521.450.307**	**2.210.626.494.733**

Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Theo đó, Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính theo giá trị ghi sổ tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá cả của các loại hàng hóa, nguyên liệu. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm/cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đô la Mỹ (USD)	1.286.816.145.403	1.377.157.625.288	798.197.646.573	869.160.180.726

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	467.631.476.669	-	467.631.476.669
Phải thu khách hàng và phải thu khác	621.320.884.620	1.288.521.856.977	1.909.842.741.597
Đầu tư tài chính ngắn hạn	77.535.000.000		77.535.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	927.729.493.654	927.729.493.654
Các khoản ký quỹ	1.298.624.159	-	1.298.624.159
Tổng cộng	**1.167.785.985.448**	**2.216.251.350.631**	**3.384.037.336.079**
Tại 31/12/2013			
Các khoản nợ thuê tài chính	-	-	-
Các khoản vay	293.387.736.499	1.341.781.139.324	1.635.168.875.823
Phải trả người bán và phải trả khác	462.919.533.026	850.909.689	463.770.442.715
Chi phí phải trả	5.582.131.769	-	5.582.131.769
Tổng cộng	**761.889.401.294**	**1.342.632.049.013**	**2.104.521.450.307**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**405.896.584.154**	**873.619.301.618**	**1.279.515.885.772**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	140.682.128.634	-	140.682.128.634
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.011.342.514.461	1.375.747.054.774	2.387.089.569.235
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	40.000.000.000	40.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	843.371.920.231	843.371.920.231
Các khoản ký quỹ	4.405.421.436	-	4.405.421.436
Tổng cộng	**1.156.430.064.531**	**2.259.118.975.005**	**3.415.549.039.536**
Tại 01/01/2013			
Các khoản nợ thuê tài chính			-
Các khoản vay	221.673.316.256	1.438.359.150.356	1.660.032.466.612
Phải trả người bán và phải trả khác	526.913.493.759	9.169.037.893	536.082.531.652
Chi phí phải trả	14.511.496.469	-	14.511.496.469
Tổng cộng	**763.098.306.484**	**1.447.528.188.249**	**2.210.626.494.733**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**393.331.758.047**	**811.590.786.756**	**1.204.922.544.803**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

38. CÁC CAM KẾT

Theo thỏa thuận nguyên tắc đã được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup ngày 19/08/2013 về việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty tại công ty liên kết, Công ty đã nhận ứng trước tiền 200 tỷ đồng và sẽ thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp tại công ty liên kết cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup đến hết ngày 28/02/2014. Quá thời hạn này, Công ty sẽ phải hoàn trả số tiền đặt cọc hoặc phải trả lãi theo lãi suất 15%/năm, trừ khi có thỏa thuận bổ sung. Tại thời điểm này, việc chuyển nhượng chưa thực hiện xong, các bên cũng chưa thực hiện bổ sung thỏa thuận cũng như chưa tính lãi phát sinh.

39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 27/05/2014 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giao kế hoạch, tiến độ cổ phần hoá Công ty TNHH một thành viên Hanel năm 2014-2015; Công ty đang thực hiện các bước công việc theo lộ trình cổ phần hoá; công việc cổ phần hoá dự kiến hoàn thành trước 30/09/2015.

Theo Quyết định số 05-12/QĐ-HANEL ngày 28/05/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty về "Trích lập các Quỹ của Công ty TNHH MTV Hanel năm 2013": Tổng lợi nhuận để phân phối các Quỹ của Công ty là 2.637.645.650 đồng; trong đó (i) trích Quỹ Đầu tư phát triển là 56.191.369 đồng (giá trị trích lập bổ sung được sử dụng để bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu); (ii) trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 2.332.454.281 đồng và (iii) Trích Quỹ thưởng viên chức quản lý là 249.000.000 đồng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng ngoài các vấn đề nêu trên, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty.

40. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán khác, một số chỉ tiêu được trình bày lại, cụ thể như sau :

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu tại ngày 01/01/2013		Chênh lệch	Ghi chú
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh		
Bảng cân đối kế toán					
Các khoản tương đương tiền	112	4.970.000.000	34.970.000.000	30.000.000.000	[1]
Đầu tư ngắn hạn	121	70.000.000.000	40.000.000.000	(30.000.000.000)	[1]
Các khoản phải thu khác	135	563.800.093.763	574.009.633.276	10.209.539.513	[2]
Hàng tồn kho	141	144.418.318.338	134.208.778.825	(10.209.539.513)	[2]
Phải thu khách hàng dài hạn	211	1.376.474.380.195	1.375.747.054.774	(727.325.421)	[3]
Vay và nợ dài hạn	334	1.438.734.952.038	1.438.359.150.356	(375.801.682)	[4]
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	36.918.910.789	68.260.024.405	31.341.113.616	[5]
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	123.855.131.379	92.162.494.024	(31.692.637.355)	[5]
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Doanh thu hoạt động tài chính	21	261.428.407.224	261.076.883.485	(351.523.739)	[a]
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	50	432.170.787.116	431.819.263.377	(351.523.739)	[a]
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	372.645.971.369	372.294.447.630	(351.523.739)	[a]
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (ảnh hưởng theo Phương pháp gián tiếp)					
Lợi nhuận trước thuế	1	432.170.787.116	431.819.263.377	(351.523.739)	[a]
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(4.288.162.137)	(3.936.638.398)	351.523.739	[a]
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(70.000.000.000)	(40.000.000.000)	30.000.000.000	[1]
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(302.845.364.628)	(272.845.364.628)	30.000.000.000	[1]
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	81.532.783.354	111.532.783.354	30.000.000.000	[1]

42. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Ghi chú:

[1]. Ghi tăng chỉ tiêu Các khoản tương đương tiền, ghi giảm chỉ tiêu Đầu tư ngắn hạn cùng giá trị 30 tỷ đồng do Công ty chưa trình bày số dư gốc tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tại ngày 31/12/2012; Giá trị tương ứng ảnh hưởng đến chỉ tiêu của Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ.

[2]. Ghi tăng chỉ tiêu Phải thu ngắn hạn khác, ghi giảm chỉ tiêu Hàng tồn kho với giá 10.209.539.513 đồng do Công ty đang ghi nhận phí tư vấn về chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Deaha sẽ được bồi hoàn từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Hợp Thành.

[3]. Ghi giảm chỉ tiêu Phải thu khách hàng dài hạn, ghi giảm chỉ tiêu Doanh thu hoạt động tài chính - Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện 727.325.421 đồng do Công ty đánh giá chênh lệch tỷ giá không theo quy định của Thông tư số 179/2013/TT-BTC.

[4]. Ghi giảm chỉ tiêu Vay và nợ dài hạn, ghi tăng chỉ tiêu Doanh thu hoạt động tài chính - Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện 375.801.682 đồng do Công ty đánh giá chênh lệch tỷ giá không theo quy định của Thông tư số 179/2013/TT-BTC.

[5]. Ghi tăng Chỉ tiêu Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả, Ghi giảm chỉ tiêu Lợi nhuận chưa phân phối với giá trị 31.692.637.355 đồng do Công ty chưa thực hiện ghi nhận khoản thuế hoãn lại do chênh lệch tạm thời của khoản đánh giá tỷ giá ngoại tệ - phải thu dài hạn phát sinh trong năm 2011.

[6]. Tổng ảnh hưởng của ghi chú [2], [3] và [4].

[a]. Tổng ảnh hưởng của ghi chú [2] và [4]. Chi phí thuế thu nhập hiện hành không thay đổi do việc điều chỉnh tỷ giá phát sinh chênh lệch tạm thời hình thành Thuế hoãn lại phải trả.

Đỗ Thị Mai Hà	**Đoàn Thị Thanh Mai**	**Nguyễn Quốc Bình**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2014